

Bản án số: 393/2018/HS-PT
Ngày: 29-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng.

- *Các Thẩm phán:* Ông Trần Duy Tuấn
Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 366/2018/TLPT-HS ngày 09/11/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo: NGUYỄN VĂN N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1988, tại huyện Tây S, tỉnh Bình Định; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Xã Ea T, huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Dương Thị N1; có vợ tên Vũ Thị B; bị cáo có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk; có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Anh Dương Đức M, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Tân L, xã Ea B1, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trần Trọng H1 - Văn phòng Luật sư Công T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Vũ Thị B.
2. Anh Đinh Minh H2.

3. Anh Đinh Như H3.

Cùng trú tại: Thôn Tân L, xã Ea B1, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk; đều có mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Tân H4, xã Ea B1, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

5. Chị Vũ Thị N2, sinh năm 1981; trú tại: Phường An L1, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Vũ Thị B trước đây có chồng nhưng đã ly hôn đến năm 2017, chị kết hôn với Nguyễn Văn N. Khoảng 15 giờ ngày 01/5/2018, chị B từ nhà đi chợ, đến ngã 3 thôn Tân L, xã Ea B1, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk thì gặp anh Dương Đức M, hai bên có lời qua lại, anh M dùng tay tát vào mặt chị B rồi lên xe bỏ đi. Nghe tin mẹ mình bị anh M đánh, hai con của chị B là Đinh Minh H2 và Đinh Như H3 từ nhà cầm 02 con dao rồi đi đến địa điểm mẹ bị đánh nhưng không gặp anh M nên H2 gọi điện cho anh M về giải quyết mâu thuẫn. Thời điểm H2 và H3 về nhà lấy dao, N liền gọi điện thoại cho chị B, nhưng chị B không nghe máy, khoảng 5 phút sau chị B gọi và kể cho N nghe việc bị anh M đánh. N vào nhà lấy 01 con dao tự chế, dài 35,5 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ, mũi nhọn rồi đi bộ từ nhà ra đến đoạn đường trước cổng Hội trường thôn Tân L thì gặp 3 mẹ con chị B đang đứng đợi bên đường chờ anh M. Đến khoảng 16 giờ 20 phút, anh Nguyễn Ngọc T3 chở anh M về để giải quyết mâu thuẫn với mẹ con chị B. Lúc này giữa anh M và H2, H3 xảy ra cãi vã thách thức nhau thì được anh T3 và chị B can ngăn. Thấy vậy, N đi từ phía sau đến sát vị trí song song với anh M, dùng tay phải cầm dao đâm một nhát trúng vào phía sau cổ anh M làm anh M ngã xuống đường, rồi N cầm dao bỏ về nhà. Sau đó, anh M được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu và điều trị thương tích. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn N đã đến Công an thị xã Buôn H đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số: 577/PY-TgT ngày 02/5/2018, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Dương Đức M bị vết thương tủy cổ, liệt 02 chi dưới, tỷ lệ tổn thương cơ thể: 40%. Vật tác động: Sắc, nhọn.

Tại Bản kết luận pháp y bổ sung số 704/PY-TgT ngày 08/6/2018, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Dương Đức M bị vết thương tủy cổ C6 –C7, liệt tứ chi không hoàn toàn, mức độ nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể: 63%, tạm thời 06 tháng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm Điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn N **07 (Bảy)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 02/5/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bị hại anh Dương Đức M tổng số tiền **89.985.831 đồng**.

Người bị hại anh Dương Đức M được quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường các chi phí điều trị hợp lý đối với thương tích do bị cáo gây ra có phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm bằng một vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại trong vụ án.

Ngày 05/10/2018, bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/10/2018, bị hại anh Dương Đức M kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm đề nghị thay đổi tội danh từ “Cố ý gây thương tích” sang tội danh “Giết người”, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bà B, anh H3, anh H2; tăng hình phạt và mức bồi thường đối với bị cáo N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị hại anh Dương Đức M vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và có nộp thêm hai hóa đơn thuốc sau khi điều trị tại phòng khám Tâm Anh, ngày 18/10/2018.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 là có căn cứ.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo đề nghị thay đổi tội danh của bị hại: Mức hình phạt 07 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, Tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo của bị hại về thay đổi tội danh, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 năm tù.

Xét nội dung kháng cáo của người bị hại về việc bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại về việc bỏ lọt tội phạm và đề nghị truy tố bà B, anh H3, anh H2 với vai trò là đồng phạm trong vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện các chi phí hợp lý và buộc bị cáo bồi thường là đúng quy định. Tuy nhiên, có một số khoản Tòa án cấp sơ thẩm tính còn thấp so với chi phí thực tế mà bị hại đã chi như khoản tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần và tiền thuốc của 02 hóa đơn mới mà bị hại đã giao nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị hại về

phần trách nhiệm dân sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N không có ý kiến tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh mà VKS đã truy tố bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” là chưa thỏa đáng mà phải truy tố về tội “Giết người”; xem xét vai trò đồng phạm của bà B, anh H2, anh H3 đã giúp sức cho bị cáo; buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định pháp luật, đề nghị HĐXX hủy bản án hình sự sơ thẩm.

Bị hại thống nhất với kiến của người bảo vệ và không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe người khác vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 01/5/2018, tại thôn Tân L, xã Ea B1, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi dùng dao đâm anh Dương Đức M gây thương tích, tỷ lệ 63%. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28/9/2018, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn N về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội. Do vậy, kháng cáo của bị hại đề nghị thay đổi tội danh là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị hại cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị Vũ Thị B, anh Đinh Minh H2, anh Đinh Minh H3 đã chặn đường anh Dương Đức M để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị B, anh H2, anh H3 chưa gây thương tích gì cho anh M. Mặc khác, hành vi của bị cáo N là độc L không liên quan gì đến những hành vi của những người kia. Đồng thời giữa bị cáo và những người này cũng không có sự bàn bạc hay tiếp nhận ý chí của nhau. Do vậy, không có cơ sở cho rằng chị Vũ Thị B, anh Đinh Minh H2, anh Đinh Minh H3 đồng phạm với bị cáo N trong vụ án. Do đó, nội dung kháng cáo của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét mức hình phạt 07 năm mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là chưa tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, mặc dù chỉ có mâu thuẫn nhỏ giữa vợ bị cáo và người bị hại nhưng bị cáo đã dùng dao sắc nhọn đâm vào cổ anh M, hậu quả làm anh M bị thương tích tỷ lệ 63%. Hành vi mà bị cáo dùng dao sắc nhọn đâm vào cổ anh M là rất nguy hiểm. Bản thân bị cáo là người đầy đủ năng lực hành vi và đủ nhận thức để thấy rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nguy hiểm cho người bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội thể nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo 07 năm tù là quá nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở xem xét. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của

người bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

[4] Xét nội dung kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự, HĐXX thấy: Các khoản tiền thuốc, tiền viện phí và các chi phí hợp lý khác mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận là có căn cứ. Ngoài ra, còn có một số chi phí khác mặc dù không có hóa đơn, tuy nhiên đây là những khoản chi cần thiết cho việc cứu chữa người bị hại nên Tòa án cần chấp nhận. Cụ thể cần buộc bị cáo bồi thường các khoản sau:

- Tiền thuê phương tiện: Từ Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn H đến Bệnh viện Thiện H5: 800.000 đồng; từ Bệnh viện Thiện H5 đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk: 300.000 đồng; từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk đến Bệnh viện Chợ Rẫy: 6.000.000 đồng, 07 lần đi lại điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện phục H6 chức năng tại thành phố Hồ Chí Minh: 210.000 đồng x 14 lượt = 2.940.000 đồng.

- Tiền viện phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk: 3.300.000 đồng;

- Tiền viện phí tại Bệnh viện phục H6 chức năng: 31.600.381 đồng;

- Tiền viện phí Bệnh viện Chợ Rẫy: 13.390.220 đồng;

- Tiền thuốc mua điều trị ngoài: 16.845.000 đồng;

- Thu nhập bị mất: 200.000 đồng/ngày x 90 ngày = 18.000.000 đồng;

- Thu nhập bị mất của một người chăm sóc: 200.000 đồng/ngày x 90 ngày: 18.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại: 1.390.000 đồng x 30 tháng = 41.700.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 167.875.601 đồng; Trừ số tiền 46.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường cho bị hại; bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 121.875.601 đồng. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

Xét yêu cầu của bị hại về yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị hại sau khi bị thương tích không có khả năng lao động. Tuy nhiên, bị hại không cung cấp cho Tòa án những giấy tờ chứng minh quan hệ của bị hại với những người được cấp dưỡng, nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án hình sự sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: 121.875.601 đồng x 5% = 6.093.780 đồng; về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Dương Đức M. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: **08 (Tám) năm** tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/5/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường cho bị hại anh Dương Đức M tổng số tiền là 167.875.601 đồng; Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 46.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 121.875.601 đồng.

Người bị hại anh Dương Đức M được quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N phải bồi thường các chi phí điều trị hợp lý đối với thương tích do bị cáo gây ra có phát sinh sau khi xét xử bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 6.093.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cáo;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Buôn Hồ;
- Cơ quan T.H.A HS CA thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu H sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Bằng